

Số: 02 /2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định Khung năng lực số cho người học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA CÔNG VĂN ĐIỆN TỬ	
Số: 130	ĐẾN
Ngày: 04/02/2025	Chuyên:
Số và ký hiệu HS:	

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định Khung năng lực số cho người học.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Ban hành kèm theo Thông tư này Khung năng lực số cho người học (sau đây gọi tắt là Khung năng lực số).
- Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục, các chương trình giáo dục, đào tạo (sau đây gọi chung là chương trình giáo dục) và người học trong hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- An sinh số** là việc xem xét tác động của công nghệ và dịch vụ số đối với sức khỏe tinh thần, thể chất và cảm xúc của con người trong môi trường số với mục tiêu nâng cao và cải thiện sức khỏe của người dùng thông qua việc sử dụng phương tiện kỹ thuật số.
- Bắt nạt trên mạng** là những hành vi có chủ đích xấu được tiến hành bởi một người hoặc một nhóm người lên một cá nhân bằng cách đe dọa, xâm hại, làm nhục, làm ảnh hưởng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc tra tấn tinh thần thông qua tin nhắn, mạng Internet, các trang mạng xã hội và qua các thiết bị điện tử.
- Danh tính số** là tổng hợp thông tin về một người tồn tại ở dạng kỹ thuật số để định danh và phân biệt với những người khác, có thể bao gồm các thông tin như: giới tính, tính cách, sở thích, tín ngưỡng, quan điểm chính trị, họ tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại, địa chỉ nhà, địa chỉ thư điện tử và các thông tin cá nhân khác.
- Danh tiếng trực tuyến** là sự đánh giá hoặc nhận thức của xã hội về giá trị, uy tín, hoặc hình ảnh của một cá nhân, tổ chức hay thương hiệu, thường dựa trên hành động, thành tựu, hoặc phẩm chất của họ trên môi trường trực tuyến.

5. *Dịch vụ số* là các dịch vụ được cung cấp thông qua phương tiện giao tiếp số.

6. *Dữ liệu* là những con số hoặc dữ kiện rời rạc mà quan sát hoặc đo đếm được không có ngữ cảnh hay diễn giải; được thể hiện ra ngoài bằng cách mã hóa và dễ dàng truyền tải và được chuyển thành thông tin bằng cách thêm giá trị thông qua ngữ cảnh, phân loại, tính toán, hiệu chỉnh và đánh giá.

7. *Điều hướng* là quá trình định hướng và di chuyển trong một không gian vật lý hoặc kỹ thuật số, nhằm xác định vị trí hiện tại và tìm ra đường đi đến đích mong muốn.

8. *Giải pháp công nghệ* là tập hợp các công cụ kỹ thuật có liên quan (phần mềm, phần cứng) và/hoặc dịch vụ để giải quyết vấn đề đặt ra.

9. *Môi trường có cấu trúc* là một không gian hoặc hệ thống trong đó các yếu tố, thành phần hoặc dữ liệu được tổ chức và sắp xếp theo một cách rõ ràng và có quy tắc, giúp dễ dàng tìm kiếm, truy cập và xử lý.

10. *Môi trường số* là không gian ảo, nơi các hoạt động, dữ liệu, thông tin và nội dung được tạo ra, lưu trữ và trao đổi thông qua công nghệ số, như mạng Internet, phần mềm và các nền tảng trực tuyến.

11. *Năng lực số* là khả năng sử dụng công nghệ số để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể hoặc để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

12. *Nghi thức số* (digital etiquette) là tập hợp các quy tắc, chuẩn mực và hành vi ứng xử phù hợp trong môi trường số, bao gồm giao tiếp qua Internet, sử dụng mạng xã hội, email, ứng dụng và các nền tảng trực tuyến.

13. *Nội dung số* là nội dung tồn tại dưới dạng dữ liệu số được mã hóa ở định dạng máy có thể đọc được, và có thể được tạo, xem, phân phối, sửa đổi và lưu trữ bằng máy tính và công nghệ kỹ thuật số.

14. *Phương tiện giao tiếp số* là các nền tảng, công cụ và nội dung được tạo ra, lưu trữ, phân phối và truy cập thông qua công nghệ số, bao gồm Internet, mạng xã hội, ứng dụng di động, và các thiết bị điện tử.

15. *Thiết bị số* là thiết bị điện tử, máy tính, viễn thông, truyền dẫn, thu phát sóng vô tuyến điện và thiết bị tích hợp khác được sử dụng để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số.

16. *Thông tin* là dữ liệu đã được tổ chức, xử lý, hoặc phân tích để trở nên có ý nghĩa và có thể hiểu được và sử dụng để ra quyết định, giải quyết vấn đề hoặc truyền đạt ý tưởng.

17. *Tri thức* là sự hiểu biết, nhận thức và kinh nghiệm được tích lũy qua quá trình học hỏi, nghiên cứu và trải nghiệm.

18. *Trí tuệ nhân tạo* (viết tắt là AI) là việc phát triển các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người, như học tập, suy luận và giải quyết vấn đề.

19. *Trí tuệ nhân tạo tạo sinh* (Generative Artificial Intelligence hay còn gọi là Gen AI) là một lĩnh vực con của AI tập trung vào việc tạo ra dữ liệu mới, có

thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh, hoặc video, mã nguồn lập trình dựa trên dữ liệu đầu vào đã được huấn luyện trước đó.

Điều 3. Mục đích sử dụng Khung năng lực số

1. Làm cơ sở để xây dựng chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng và phát triển chương trình giáo dục; xây dựng tài liệu học tập, tài liệu hướng dẫn để phát triển năng lực số cho người học.

2. Làm cơ sở để đánh giá yêu cầu, kết quả đạt được về năng lực số của người học trong các chương trình giáo dục; xây dựng tiêu chí trong kiểm tra, đánh giá, công nhận năng lực số của người học.

3. Bảo đảm tính thống nhất về yêu cầu năng lực số của người học; làm cơ sở để đối sánh hoặc tham chiếu giữa các chương trình giáo dục, khung năng lực số.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục xây dựng kế hoạch và triển khai Khung năng lực số theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

2. Các cơ sở giáo dục thực hiện quyền tự chủ về chuyên môn, học thuật xây dựng, phát triển chương trình giáo dục, theo đó, trên cơ sở các quy định của Khung năng lực số, triển khai nghiên cứu, bổ sung, cập nhật yêu cầu về năng lực số cho người học vào chương trình, tài liệu học tập, tài liệu hướng dẫn và bảo đảm các điều kiện cần thiết để triển khai Khung năng lực số theo các chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan quản lý cấp trên và theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2025.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm, các trường cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Như Điều 6;
- Công thông tin điện tử của Chính phủ;
- Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, GDĐH.



